



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tháng 10, năm 2021

MỤC LỤC

Chương I..... 3

QUY ĐỊNH CHUNG 3

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng..... 3

Điều 2. Viết tắt/Giải thích từ ngữ..... 3

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin 4

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin..... 5

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin..... 5

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin 6

Chương II 6

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY 6

MỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ 6

Điều 7. Công bố báo cáo tài chính..... 6

Điều 8. Thông tin báo cáo thường niên..... 7

Điều 9. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên..... 8

Điều 10. Báo cáo tình hình quản trị Công Ty 8

Điều 11. Gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn 8

MỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG 8

Điều 12. Công bố thông tin bất thường 8

Điều 13. Công bố thông tin ĐHĐCĐ bất thường/Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 10

Điều 14. Công bố thông tin về ngày đăng kí cuối cùng thực hiện quyền (trừ việc chốt quyền để tổ chức họp ĐHĐCĐ) cho cổ đông hiện hữu 11

Điều 15. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công Ty 11

MỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU 11

Điều 16. Công bố thông tin theo yêu cầu 11

Chương III 12

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG 12

CÔNG BỐ THÔNG TIN 12

Điều 17. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty 12

Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng..... 12

Điều 19. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ..... 12

Chương IV 13

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN 13

Điều 20. Quy trình công bố thông tin 13

Chương V 13

XỬ LÝ VI PHẠM..... 13

Điều 21. Xử lý vi phạm..... 13

Chương VI 13

TỔ CHỨC THỰC HIỆN 13

Điều 22. Điều khoản thi hành 13

Điều 23. Hiệu lực thi hành 14

M.S.D.N

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG**

(Ban hành kèm Nghị quyết số 12/SCG/2021/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công Ty)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công Ty Cổ phần Xây dựng SCG khi tham gia thị trường chứng khoán.
2. Đối tượng áp dụng:
 - a. Công Ty Cổ phần Xây dựng SCG;
 - b. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin;
 - c. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Viết tắt/Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Luật doanh nghiệp 2020*: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 do Quốc Hội ban hành.
2. *Luật chứng khoán 2019*: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 do Quốc Hội ban hành.
3. *Nghị định 155*: Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Chính Phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
4. *Thông tư 96*: Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
5. *Quy chế 606*: Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 9 năm 2016.
6. *UBCK*: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
7. *SGDCK*: Sở giao dịch Chứng khoán TP Hà Nội.
8. *Công Ty* là Công Ty Cổ phần Xây dựng SCG.
9. *ĐHĐCĐ* chỉ ĐHĐCĐ Công Ty.
10. *HDQT* chỉ HĐQT Công Ty.
11. *BKS* chỉ BKS Công Ty.
12. *Người phụ trách quản trị Công Ty* là người có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 281 Nghị định 155 và Điều lệ Công Ty.
13. *Đối tượng công bố thông tin* là các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy chế này.
14. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:
 - a. Nhà đầu tư là người nội bộ của Công Ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công Ty;

- c. Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công Ty;
 - d. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty;
 - e. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công Ty;
 - f. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công Ty.
15. *Người nội bộ* của Công Ty là:
- a. Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT;
 - b. Trưởng BKS, Thành viên BKS;
 - c. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc; các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm;
 - d. Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (khi chưa bổ nhiệm Kế toán trưởng);
 - e. Thư ký Công Ty, Người phụ trách quản trị Công Ty;
 - f. Người được ủy quyền công bố thông tin của Công Ty.
16. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.
17. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này.
18. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCK, phương tiện công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCK, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
19. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCK chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
20. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* là ngày theo quy định tại Khoản 12 Điều 3 Thông tư 96.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:
 - a. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
 - b. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
 - c. Các đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCK và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Điểm

c Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCK và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCK và SGDCK thực hiện công bố thông tin.

2. Công Ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
 - a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công Ty tối thiểu là 05 năm.
 - b. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công Ty tối thiểu 05 năm.
3. Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng Tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công Ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua Người đại diện theo pháp luật hoặc 01 người được ủy quyền công bố thông tin của Công Ty.
 - a. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.
 - b. Công Ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCK và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96.
2. Nhà đầu tư là cá nhân thuộc đối tượng công bố thông tin tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này nếu uỷ quyền cho Công Ty công bố thông tin thì nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện Công Ty sử dụng công bố thông tin bao gồm:
 - a. Trang thông tin điện tử (website) của Công Ty;
 - b. Hệ thống công bố thông tin của UBCK;
 - c. Trang thông tin điện tử của SGDCK;
 - d. Trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử).
2. Công Ty sử dụng trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định sau:

- a. Công Ty phải báo với UBCK, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi trang thông tin điện tử này.
 - b. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công Ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty, Quy chế hoạt động HĐQT, BKS, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật.
 - c. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công Ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công Ty tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Công Ty báo cáo UBCK, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công Ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

MỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 7. Công bố báo cáo tài chính

1. Công Ty phải công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:
 - a. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - b. Trường hợp Công Ty là Công Ty mẹ của một tổ chức khác, Công Ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng Công Ty và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - Trường hợp Công Ty là doanh nghiệp cấp trên có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân thì phải công bố báo cáo tài chính năm của riêng Công Ty và báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
 - Trường hợp Công Ty là Công Ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp tên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy riêng, Công Ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - c. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Công Ty phải công bố Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
 - a. Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công Ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.
 - b. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công Ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.
 - c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên.
 - Công Ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
 - Trường hợp Công Ty là Công Ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
3. Công Ty phải công bố Báo cáo tài chính quý.
 - a. Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.
 - b. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

Công Ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp Công Ty là Công Ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, Công Ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
5. Trường hợp Công Ty là Công Ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của Công Ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 8. Thông tin báo cáo thường niên

1. Báo cáo thường niên được lập theo Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư 96.
2. Thời hạn công bố chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Điều 9. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên

1. Trường hợp lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ, Công Ty phải công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Tài liệu họp ĐHĐCĐ
 - a. Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, Công Ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, bao gồm:
 - Thông báo mời họp;
 - Chương trình họp
 - Phiếu biểu quyết;
 - Tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - b. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ.
3. Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 10. Báo cáo tình hình quản trị Công Ty

1. Công Ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Công Ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.
2. Bên cạnh việc lập báo cáo tình hình quản trị Công Ty, Công Ty gửi kèm bản dữ liệu điện tử Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công Ty theo Mẫu 09_CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế 606 theo định dạng excel gửi đến SGDCK.

Điều 11. Gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn

Công Ty gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/06, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/7; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo, theo Mẫu 01_CBTT/SGDCK kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK Hà Nội.

MỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Điều 12. Công bố thông tin bất thường

1. Các thông tin bất thường dưới đây được công bố trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Tài khoản của Công Ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

- b. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công Ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công Ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d. Quyết định mua lại cổ phiếu của Công Ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
- e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công Ty dẫn đến Công Ty đó trở thành Công Ty con, Công Ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công Ty con, Công Ty liên kết dẫn đến Công Ty đó không còn là Công Ty con, Công Ty liên kết hoặc giải thể Công Ty con, Công Ty liên kết;
- i. Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công Ty đại chúng;
- j. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
 - Trường hợp Công Ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công Ty báo cáo UBCK về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - Trường hợp Công Ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công Ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;
 - Trường hợp Công Ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công Ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công Ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, Công Ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

- k. Công Ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công Ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty). Đồng thời, Công Ty gửi cho UBCK, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96;
 - l. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công Ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công Ty đại chúng là Công Ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;
 - m. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công Ty, người nội bộ của Công Ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công Ty;
 - n. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công Ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
 - o. Công Ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
 - p. Trường hợp Công Ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công Ty, Công Ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
 - q. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công Ty;
 - r. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;
 - s. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
 - t. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công Ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Công Ty đại chúng là Công Ty mẹ);
 - u. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty đại chúng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
3. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công Ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 13. Công bố thông tin ĐHĐCĐ bất thường/Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

- 1. Việc công bố thông tin về ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này. Việc công bố thông tin về Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Khoản 1 Điều 14 Quy chế này.
- 2. Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công Ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Điều 14. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền (trừ việc chốt quyền để tổ chức họp ĐHĐCĐ) cho cổ đông hiện hữu

1. Công Ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến;
2. Trường hợp Công Ty hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền của SGDCK, Công Ty gửi thông báo bằng văn bản cho SGDCK nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về việc hủy nội dung thông báo.

Điều 15. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công Ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công Ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công Ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công Ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công Ty, SGDCK, Tổng Công Ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCK theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Công Ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công Ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

MỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Điều 16. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công Ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCK, SGDCK khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b. Có thông tin liên quan đến Công Ty làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCK, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công Ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 17. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công Ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công Ty, UBCK, SGDCK theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn của Công Ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công Ty, UBCK, SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96.
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96.
4. Quy định tại Khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công Ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.
5. Công Ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng

1. Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện giao dịch, cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp phải gửi báo cáo cho UBCK, SGDCK, Tổng Công Ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công Ty về việc thực hiện giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 96. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc chuyển nhượng nêu trên.
2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo cho UBCK, SGDCK, Tổng Công Ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công Ty về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư 96.
3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập theo quy định tại Điều này, Công Ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

Điều 19. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định tại Điều 33 Thông tư 96.
2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan, Công Ty phải công bố trên website.

Chương IV

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 20. Quy trình công bố thông tin

1. Bước 1: Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin cần công bố theo quy định, các phòng ban liên quan hoặc nhà đầu tư cần tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố gửi đến Người phụ trách quản trị Công Ty.

2. Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin, tài liệu do các phòng ban liên quan hoặc nhà đầu tư cung cấp, Người phụ trách quản trị Công Ty phải:

- Kiểm tra nội dung, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin; Và/hoặc;
- Chỉnh sửa hoặc soạn thảo văn bản công bố thông tin theo mẫu quy định; Và/hoặc;
- Yêu cầu các bên liên quan bổ sung tài liệu, thông tin.

3. Bước 3: Trình phê duyệt/Phê duyệt

Người phụ trách quản trị Công Ty trình các văn bản công bố thông tin tới Người được ủy quyền công bố thông tin và/hoặc Người đại diện theo pháp luật và/hoặc Chủ tịch HĐQT.

4. Bước 4: Thực hiện báo cáo công bố thông tin

Người phụ trách quản trị Công Ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin và Quy chế này.

5. Bước 6: Lưu trữ

- Người phụ trách quản trị Công Ty lưu trữ thông tin công bố theo quy định pháp luật về công bố thông tin.
- Các bộ phận có liên quan cung cấp thông tin để công bố có trách nhiệm lưu trữ tối thiểu 01 bản để kiểm tra, đối chiếu trong trường hợp cần thiết.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Xử lý vi phạm

Đơn vị, cá nhân thuộc Công Ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công Ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Điều khoản thi hành

- Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các Phòng, Ban, Đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.
- Các phòng ban tham mưu, giúp việc, chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến cho cán bộ nhân viên trong đơn vị biết để thực hiện tốt công việc được giao.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công Ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Công Ty.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công Ty sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Công Ty và các quy định có liên quan của pháp luật.
5. Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế này do Tổng giám đốc Công Ty xem xét, quyết định.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.
2. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh áp dụng Quy chế này có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Nam